TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/DS-ST.
Ngày: 12-9- 2023.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Huỳnh Sinh.

2. Ông Trần Hoàng Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2023/QĐST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B.

Địa chỉ trụ sở: Số 35 HV, quận H, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đức Q S - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Ninh Thuận (Theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 91/QĐ-BIDV.NT ngày 01/4/2022).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn C - Chức vụ: Chuyên viên phụ trách xử lý nợ Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh NT (Theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 355/QĐ-BIDV.NT ngày 08/8/2023) *(Có mặt)*.

2/ Bị đơn: Bà Trần Thị T L - sinh năm 1973 *(Vắng mặt)*.

Địa chỉ: Khu phố 5, phường PM, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh

Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11-5-2023 của nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn C trình bày:

Giữa Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam *(Viết tắt là Ngân hàng)* và bà Trần Thị T L có ký kết các Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi, cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số 01/2664171/2021/HĐTD, ngày 09/11/2021, cụ thể như sau: Số tiền vay: 400.000.000 đồng; thời hạn vay: 84 tháng; mục đích vay: Tiêu dùng (sửa nhà); kỳ hạn trả nợ: hàng tháng; số tiền trả nợ/hàng tháng: 7.000.000 đồng; lãi suất vay ban đầu: 10,0%/năm; lãi suất vay hiện nay: 12,5%/năm.

Từ khi vay đến ngày 01/7/2022, bà Trần Thị T L đã trả cho Ngân hàng được số tiền 42.000.000 đồng; trong đó số tiền gốc đã trả là 17.364.029 đồng; số tiền lãi đã trả là 24.635.971 đồng. Sau đó bà Lgặp khó khăn trong cuộc sống nên có đơn xin điều chỉnh mức trả tiền vay hàng tháng và được Ngân hàng đồng ý. Theo đó từ ngày 02/7/2022, mỗi tháng bà L trả cho Ngân hàng số tiền 3.800.000 đồng; từ ngày 02/7/2022 đến ngày 04/7/2022, bà Ltrả được số tiền gốc 1.385.556 đồng, lãi là 2.414.444 đồng. Như vậy, tính đến ngày 04/7/2023, bà Lđã trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 45.800.000 đồng; trong đó số tiền gốc đã trả là 18.749.585 đồng; số tiền lãi đã trả là 27.050.415 đồng rồi không trả cho Ngân hàng nữa nên ngày 09/01/2023 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ của bà L thành nợ quá hạn và tính lãi suất bà Lphải chịu là 18,75%/năm.

Tính đến hết ngày 12/9/2023, dư nợ của bà Trần Thị T L theo Hợp đồng tín dụng số 01/2664171/2021/HĐTD, ngày 09/11/2021 là 436.293.713 đồng; trong đó nợ gốc là 381.250.415 đồng, nợ lãi trong hạn là 54.628.702 đồng và lãi quá hạn là 414.596 đồng.

Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi ngày 05/07/2021, cụ thể như sau: Số tiền vay 50.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng; mục đích vay: Tiêu dùng; kỳ trả nợ: linh hoạt; lãi suất vay ban đầu: 10,5%/năm; lãi suất vay hiện nay là 11,5%/năm.

Từ ngày vay (ngày 05/7/2021) đến ngày 01/7/2022; bà Trần Thị T L đã trả cho Ngân hàng số tiền 453.960 đồng; trong đó gốc là 50.946 đồng, lãi là 403.014 đồng rồi không trả cho Ngân hàng số tiền nào nữa nên ngày 24/11/2022, Ngân hàng đã chuyển số nợ trên thành nợ quá hạn và áp dụng lãi suất là 17,25%/năm.

Tính đến hết ngày 12/9/2023, dư nợ của bà Trần Thị T L theo Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi ngày 05/07/2021 là 59.073.138 đồng; trong đó nợ gốc là 49.949.054 đồng, nợ lãi trong hạn là 5.718.824 đồng, lãi quá hạn là 3.405.260 đồng.

Tổng cộng 02 khoản vay của 02 hợp đồng, tính đến ngày 12/9/2023, tổng dư nợ của bà Trần Thị T L là 495.366.851 đồng; trong đó nợ gốc là 431.199.469 đồng,

nợ lãi trong hạn là 60.347.526 đồng, lãi quá hạn là 3.819.856 đồng. Đến nay, toàn bộ nợ vay theo các hợp đồng nêu trên của bà Lđã quá hạn. Tại phiên tòa hôm nay, tôi đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị T L phải trả toàn bộ nợ vay cho Ngân hàng với tổng số tiền là 495.366.851 đồng; buộc bà Lphải tiếp tục trả lãi phát sinh đối với số nợ gốc nêu trên tính từ ngày 13/9/2023 cho đến khi trả hết nợ vay.

Bị đơn là bà Trần Thị T L: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án; Tòa án đã thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Trần Thị T L nhưng bà Lkhông đến Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cụ thể như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn mặc dù đã được thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt. Tại phiên tòa bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là thực hiện đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự *(Viết tắt là BLTTDS)*.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự *(Viết tắt là BLDS)*; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B. Buộc bà Trần Thị T L phải thanh toán cho Ngân hàng khoản nợ vay của 02 hợp đồng tín dụng với tổng số tiền tính đến ngày 12/9/2023 là 495.366.851 đồng; trong đó nợ gốc là 431.199.469 đồng, nợ lãi trong hạn là 60.347.526 đồng, lãi quá hạn là 3.819.856 đồng và tiếp tục phải chịu khoản lãi đối với khoản tiền nợ gốc kể từ ngày 13/9/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ vay theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng cấp hạn mức thấu chi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày, tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*:

[1.1]. *Về quan hệ tranh chấp*: Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị T L phải trả tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 01/2664171/2021/HĐTD ngày 09/11/2021 và Hợp đồng cấp hạn mức thấu

chi ngày 05/07/2021 được ký kết giữa Ngân hàng và bà Trần Thị T L. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS.

[1.2]. *Về thẩm quyền giải quyết*: Bị đơn bà Trần Thị T L có nơi cư trú tại khu phố 5, phường PM, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

[1.3]. *Về sự vắng mặt của bị đơn*: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bị đơn bà Trần Thị T L nhưng bà Lkhông đến tham gia tố tụng mặc dù đã được tống đạt, triệu tập hợp lệ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. *Về nội dung vụ án*:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng; Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa Ngân hàng và bà Trần Thị T L đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2664171/2021/HĐTD ngày 09/11/2021 và Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi ngày 05/07/2021. Các hợp đồng này được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận, bảo vệ; là căn cứ để giải quyết quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[2.1.1]. Đối với hợp đồng tín dụng: Sau khi ký hợp đồng, bà Trần Thị T L đã nhận đủ số tiền vay là 400.000.000 đồng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà Lcó nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi hàng tháng cho Ngân hàng nhưng trong quá trình vay; bà Lchỉ trả được số tiền 45.800.000 đồng (Trong đó số tiền gốc đã trả là 18.749.585 đồng; số tiền lãi đã trả là 27.050.415 đồng) rồi không trả bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng nữa nên ngày 09/01/2023, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ của bà Lthành nợ quá hạn và tính lãi suất bà Lphải chịu là 18,75%/năm.

[2.1.2]. Đối với hợp đồng cấp hạn mức thấu chi: Sau khi đồng ý đề nghị cấp hạn mức thấu chi của bà Trần Thị T L; Ngân hàng đã cấp cho bà Lđủ số tiền đề nghị là 50.000.000 đồng. Theo các tài liệu, chứng cứ Ngân hàng cung cấp thì từ ngày được cấp hạn mức thấu chi; bà Lđã thực hiện các giao dịch và đến khi ngưng thanh toán đã trả Ngân hàng số tiền 453.960 đồng (Trong đó số tiền gốc là 50.946 đồng, số tiền lãi là 403.014 đồng) rồi không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng nữa nên ngày 24/11/2022, Ngân hàng đã chuyển số nợ của khoản vay này thành nợ quá hạn và áp dụng lãi suất là 17,25%/năm.

[2.1.3]. Như vậy, có cơ sở khẳng định bà Trần Thị T L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong các hợp đồng, vi phạm các hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng. Bà Llà người có lỗi nên phải chịu mọi hậu quả phát sinh từ hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

[2.2]. Các bên thỏa thuận tại thời điểm xác lập Hợp đồng tín dụng và bản Điều khoản và điều kiện vay; Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi và bản Điều kiện, điều khoản cấp và sử dụng hạn mức thấu chi về lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn là phù hợp với quy định tại Điều 418 và Điều 468 của BLDS nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3]. Ngân hàng không yêu cầu giải quyết về phí liên quan đến Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi và bản Điều kiện, điều khoản cấp và sử dụng hạn mức thấu chi nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4]. Như vậy, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị T L phải trả số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/9/2023) tổng cộng 495.366.851 đồng (Trong đó nợ gốc là 431.199.469 đồng, nợ lãi trong hạn là 60.347.526 đồng, lãi quá hạn là 3.819.856 đồng) là phù hợp với Hợp đồng tín dụng và bản Điều khoản và điều kiện vay; Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi và bản Điều kiện, điều khoản cấp và sử dụng hạn mức thấu chi đã ký kết; đồng thời phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 và Điều 470 của BLDS nên có cơ sở chấp nhận.

[2.5]. Ngân hàng yêu cầu: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/9/2023), bà Trần Thị T L còn phải tiếp tục chịu lãi suất của số tiền nợ gốc phát sinh từ ngày 13/9/2023 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các hợp đồng. Xét thấy yêu cầu này của Ngân hàng phù hợp với các nội dung mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và bản Điều khoản và điều kiện vay; Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi và bản Điều kiện, điều khoản cấp và sử dụng hạn mức thấu chi; phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng nên chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng.

[3]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Trần Thị T L; có nội dung thể hiện Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lphải trả số tiền vay còn nợ bao gồm nợ gốc, nợ lãi phát sinh từ hợp đồng tín dụng và hợp đồng cấp hạn mức thấu chi nhưng bà Lkhông có văn bản trình bày ý kiến và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện cũng như những tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng xuất trình nên có cơ sở khẳng định bà Lđã từ bỏ quyền của mình được pháp luật quy định.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Ngân hàng yêu cầu bà Trần Thị T L trả số tiền 495.366.851 đồng và được Tòa án chấp nhận toàn bộ. Vì vậy, theo quy định tại Điều 147 BLTTDS; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị đơn bà Lphải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 23.814.600 đồng (Đã làm tròn).

Ngân hàng không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 463; 466; 468 và 470 của Bộ luật Dân sự 2015.

- Các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

- Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B.

1. Buộc bà Trần Thị T L phải trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền đã vay của Hợp đồng tín dụng số 01/2664171/2021/HĐTD ngày 09/11/2021 là **436.293.713** đồng *(Bốn trăm ba mươi sáu triệu, hai trăm chín mươi ba nghìn, bảy trăm mười ba đồng)*; trong đó nợ gốc là 381.250.415 đồng *(Ba trăm tám mươi mốt triệu, hai trăm năm mươi nghìn, bốn trăm mười lăm đồng)*, nợ lãi trong hạn là 54.628.702 đồng *(Năm mươi tư triệu, sáu trăm hai mươi tám nghìn, bảy trăm linh hai đồng)* và lãi quá hạn là 414.596 đồng *(Bốn trăm mười bốn nghìn, năm trăm chín mươi sáu đồng)*.

2. Buộc bà Trần Thị T L phải trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền đã vay của Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi ngày 05/07/2021 là **59.073.138** đồng *(Năm mươi chín triệu, không trăm bảy mươi ba nghìn, một trăm ba mươi tám đồng)*; trong đó nợ gốc là 49.949.054 đồng *(Bốn mươi chín triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn, không trăm năm mươi tư đồng)*, nợ lãi trong hạn là 5.718.824 đồng *(Năm triệu, bảy trăm mười tám nghìn, tám trăm hai mươi tư đồng)*, lãi quá hạn là 3.405.260 đồng *(Ba triệu, bốn trăm linh năm nghìn, hai trăm sáu mươi đồng)*.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm - ngày 13/9/2023, bà Trần Thị T L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và bản Điều khoản và điều kiện vay ngày 09/11/2021; Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi và bản Điều kiện, điều khoản cấp và sử dụng hạn mức thấu chi ngày 05/07/2021 đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán, tương ứng với thời gian chậm thanh toán cho đến khi bà Trần Thị T L thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng và bản Điều khoản và điều kiện vay ngày 09/11/2021, Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi và bản Điều kiện, điều khoản cấp và sử dụng hạn mức thấu chi ngày 05/07/2021; các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Về án phí: Bà Trần Thị T L phải chịu 23.814.600 đồng *(Hai mươi ba triệu, tám trăm mười bốn nghìn, sáu trăm đồng)* án phí Dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.515.000 đồng *(Mười một triệu, năm trăm mười lăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005419 ngày 08/6/2023 của Chi cục thi hành dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/9/2023). Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND Tp. Phan Rang-Tháp Chàm;
- Chi cục THADS Tp. Phan Rang-Tháp Chàm;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Vũ Thị Hồng